TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:34/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/6/2025
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Thương;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phi Anh;
Ông Lê Vĩnh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2025/QĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn P, địa chỉ trước lúc xuất cảnh: Khu phố C, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Hiện đã xuất cảnh, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2025, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn P đăng ký kết hôn ngày 17/10/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không hạnh phúc. Cuối năm 2020, anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay không còn liên lạc với chị L. Chị L thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn P không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị L.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/4/2025, bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của anh Nguyễn P trình bày:

Anh P và chị L kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống anh P và chị L chưa có con chung. Năm 2020, anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn gì gia đình không được rõ. Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của anh P tại Đài Loan, nhưng anh P vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình thông qua mạng xã hội. Bà Nguyễn Thị V cam đoan sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh P và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho anh P được biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thựchiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng Tòa án nhưng không cung cấp điachỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nên đây là trường hợp cốtình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quyđịnh tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyếtsố 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội vềmức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn P.

+ Về con chung: Không có.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn P khi anh P đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị L và gia đình anh P không cung cấp được địa chỉ của anh P tại Đài Loan, nhưng phía gia đình của anh P vẫn thường xuyên liên lạc với anh P qua mạng xã hội. Gia đình anh P nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo cho anh P nhưng anh P không cung cấp địa chỉ, không trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn P trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì anh P xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị L làm đơn ly hôn,anh P vẫn biết việc chị L làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng vẫn không liên lạc với chị L để bàn bạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện và mâu thuẫn giữa chị L và anh P là không thể khắc phục được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 000003488247 ngày 28 tháng3 năm 2025 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND Phường 5, TP Đông Hà;
- Lưu:Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vĩnh Huệ Phan Phi Anh **Đoàn Thị Kim Thương**